

NHẬN DẠNG VÀ XÁC ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỦA TÍN ĐỒ CÔNG GIÁO ĐỐI VỚI XÃ HỘI

Tóm tắt: *Thư chung năm 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam đề cập đến trách nhiệm của người Kitô hữu trong xã hội. Trách nhiệm ấy được định rõ ngay trong nhan đề của bức thư là “Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc đồng bào”. Công bố bức thư này, các giám mục không có ý bày tỏ một chọn lựa chính trị mang tính thích nghi hay đối phó với thời cuộc mới, mà chỉ muốn nhắc nhở các tín hữu của mình, dù trong hoàn cảnh nào, cũng phải thi hành trách nhiệm của người Kitô hữu trong xã hội họ đang sống, vì đó là trách nhiệm Đức Giêsu đã trao cho Hội Thánh của Người, và qua Hội Thánh, cho từng người Kitô hữu ở mọi nơi và vào mọi thời. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày 3 vấn đề liên quan làm sáng rõ tiêu đề bài viết, đó là: Nền tảng giáo lý trách nhiệm của người Kitô hữu đối với xã hội, thực hiện trách nhiệm trong sự hợp tác với người khác và ý nghĩa tôn giáo của trách nhiệm tín hữu thực thi trong xã hội.*

Từ khóa: *Trách nhiệm, tín đồ Công giáo, xã hội.*

1. Nền tảng giáo lý của trách nhiệm này

Đức Giêsu đã quy tụ các môn đệ của Người thành một cộng đồng những kẻ tin vào Người, nhưng không phải để đưa họ vào trong một sa mạc thanh vắng để chiêm ngưỡng những sự trên Trời, mà là để sai họ đi khắp thế gian rao giảng Tin Mừng Cứu độ cho mọi người, như bản thân Người đã làm khi Người sống giữa họ.

* Nhà nghiên cứu, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bài viết được hoàn thiện trên cơ sở bài tham luận Hội thảo Quốc tế: *Đối thoại liên niềm tin tôn giáo và trách nhiệm xã hội* do Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với Tổ chức Glocal.net (Mỹ) tổ chức vào tháng 4 năm 2017 tại Hà Nội.

Đức Giêsu đã rao giảng Tin Mừng, không chỉ bằng lời, mà bằng cả hành động, bằng cuộc sống và cả cái chết của Người. Người đã loan báo một Tin Mừng về một thế giới mới đang đến, nhưng không phải vì vậy mà Người đã tỏ ra thờ ơ đối với những khổ đau nơi thể xác, và Người đã làm kẻ bại liệt hoạt động trở lại, kẻ câm, điếc nói và nghe được, và trong tâm hồn, như đã cho đứa con của người đàn bà góa trở lại dậy từ cõi chết để làm dịu nỗi đau của người mẹ mất đứa con duy nhất của mình.... Người đã coi việc thực thi trách nhiệm này như dấu hiệu về một thế giới mới đang được thiết lập giữa loài người.

Từng người Kitô hữu cũng lĩnh nhận trách nhiệm này từ Đức Giêsu, qua Hội Thánh của Người và qua Bí tích Thanh tẩy.

Trong nghi lễ Thanh tẩy, người nhập đạo công khai tuyên bố từ bỏ “tội lỗi” và “những quyền rũ bất chính”. Và Thánh Phaolô, đồng thời với Đức Giêsu và là một trong những người diễn giải đầu tiên giáo huấn của Thầy mình, gọi đây là “các việc làm của xác thịt”. Và ngài liệt kê một cách cụ thể, dĩ nhiên không trọn vẹn, các việc làm này: “dâm bôn, ô uế, phóng dăng, thờ quấy, ma thuật, hận thù, kinh địch, ghen tuông, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè đảng, ganh tị, say sưa, chè chén và các điều khác giống như vậy” (Gal 5, 19tt). Dĩ nhiên, danh sách các tội lỗi người tín hữu có trách nhiệm phải tránh xa không dừng lại ở đây, mà với thời gian, còn kéo dài gần như vô tận, dưới muôn vàn hình thức khác nhau.

Người nhập đạo, đồng thời cũng được mời gọi công khai bày tỏ lòng tin vào các chân lý Kitô giáo dạy tin và chấp nhận thực thi những gì đạo dạy phải chu toàn. Cuối cùng, sau khi tuyên bố từ bỏ tội lỗi và tin vào những điều Kitô giáo dạy tin và hứa thực thi những gì Kitô giáo dạy làm, người nhập đạo được tuyên bố là đã được “Thiên Chúa giải thoát khỏi tội, đã được tái sinh làm con Thiên Chúa, trở thành tạo vật mới, trở thành một con người mới và sống với cuộc sống mới và như vậy sẽ đạt đến hạnh phúc đời đời Thiên Chúa hứa ban”.

Người tín hữu, dù được tuyên bố là đã trở thành con người mới và sống với cuộc sống mới, nhưng trong thực tế, vẫn tiếp tục sống trong xã hội, nơi mình sinh ra và sống cuộc sống làm người như bao người khác, nhưng với một trách nhiệm họ có bổn phận phải chu toàn là đẩy lui tội lỗi nơi bản thân và trong xã hội người Kitô hữu đang sống,

đồng thời, xây dựng một cộng đồng những con người được sống trong hạnh phúc qua việc thực thi giáo huấn Người đã truyền dạy.

Sứ điệp của Đại hội Dân Chúa Việt Nam 2010 khẳng định: “Hội Thánh phải là chất xúc tác của nền văn hóa sự sống và văn minh tình thương trên đất nước Việt Nam. Trong hai thập niên vừa qua, cùng với sự phát triển kinh tế, có nhiều điều đáng lo ngại cho tiền đồ của dân tộc. Nạn phá thai, ly dị, ma túy, mại dâm, sự gia tăng cách biệt giàu nghèo, tình trạng bất công, bóc lột, tham nhũng, tàn phá môi sinh... đang có chiều hướng gia tăng và là những dấu hiệu cụ thể của “nền văn hóa sự chết”. Xác tín rằng Tin Mừng là “men của tự do và tiến bộ, nguồn của tình huynh đệ, của khoan dung và hòa bình”, nên hơn ai hết, người Công giáo Việt Nam có sứ mạng kiến tạo nền văn hóa sự sống và văn minh tình thương trên đất nước này, đồng thời sẵn sàng đối thoại chân thành và cộng tác lành mạnh với mọi người thiện chí, không phân biệt tôn giáo hay chính kiến, nhằm phục vụ sự phát triển toàn diện của mọi người trong xã hội, nhất là những người nghèo khổ và bị bỏ rơi” (số 6).

Thánh Kinh kể: Khi Đức Giêsu đang giảng dạy cho dân chúng, thì có một luật sĩ, được kể là hạng người thông thái và thuộc hàng lãnh đạo tôn giáo trong Do Thái giáo thời ấy, đã nêu câu hỏi liên quan đến vấn đề trách nhiệm của một tín hữu thực thụ: “Thưa Thầy, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời làm cơ nghiệp?” Câu hỏi của vị luật sĩ có thể bao hàm những khắc khoải của con người muốn tìm ra con đường của sự sống, con đường dẫn đến cõi trường sinh, đến hạnh phúc trường tồn.

Đức Giêsu hỏi lại vị luật sĩ: “Trong lề luật đã viết gì? Ông đọc làm sao?” Đáp lại, người này nói: “Người phải yêu mến Chúa, Thiên Chúa người, hết lòng người, hết linh hồn người, hết sức lực người và hết trí khôn người, và yêu mến đồng loại người như chính mình”. Đức Giêsu nói với người này: “Ông đã trả lời cách chí lý. Hãy làm thế và ông sẽ được sống”.

Câu trả lời của Đức Giêsu gồm hai điều khoản: yêu mến Chúa hết lòng và yêu đồng loại như chính mình. Đối với một tín đồ Do Thái giáo như vị luật sĩ trên đây thì điều khoản thứ nhất, tức mến Chúa, thì chẳng có gì phải bàn. Nhưng về điều khoản thứ hai thì vị luật sĩ này

vẫn còn chút lẩn tránh, có thể vì nó có liên quan đến thực tế của cuộc sống vốn phức tạp và muôn mặt. Bởi vậy, vị luật sĩ hỏi tiếp: “Ai là đồng loại của tôi?” Đặt câu hỏi như thế này không thể không khiến người ta nghĩ rằng: như vậy, có những người tôi không buộc phải yêu thương như chính mình.

Để trả lời, Đức Giêsu kể một dụ ngôn. Dụ ngôn này có tên gọi trong Thánh Kinh là dụ ngôn *Người Samari nhân hậu* (Lc 10, 25-37). Dụ ngôn kể: một người đi đường chẳng may sa vào ổ cướp, bị lột hết áo quần, bị đánh như tử và bị bỏ mặc nửa sống nửa chết trên đường đi. Một Tư tế tình cờ đi qua con đường này, trông thấy người bị nạn, nhưng đã tránh một bên mà đi qua. Kế đó, một Lê-vít cũng có thái độ như người thứ nhất khi đi tới khúc đường này. Cuối cùng là một người thuộc xứ Samari và người này, trái ngược hẳn với hai người trên, đã làm tất cả những gì mà tình cảnh của kẻ bị nạn chờ đợi để được cứu sống.

Dụ ngôn đã không lên án hay mạt sát thái độ thờ ơ đến vô nhân đạo của thầy Tư tế hay thầy Lê-vít, hoặc đề cao, tán dương hành động cứu giúp người của người Samari, nhưng lại mô tả một cách hết sức tỉ mỉ, với những chi tiết có thể bị xem là thừa thãi trong một bài giảng dạy đạo đức thông thường. Bắt đầu là sự “chạnh lòng thương”, tiếp đó là việc “ràng buộc thương tích”, rồi “đổ dầu và rượu”, có thể là để làm giảm đau và sát trùng vết thương, rồi “vực người ấy lên lừa của mình”, “đưa đến quán trọ và săn sóc người ấy”. Việc người Samari giúp đỡ người bị nạn không dừng lại ở đây. Dụ ngôn đã không ngại dài dòng để kể tiếp: “sáng hôm sau, rút hai quan tiền, ông trao cho chủ quán mà bảo: “Ông hãy săn sóc người ấy, và phải tiêu pha gì thêm, thì chính tôi khi về, tôi sẽ trả ông”. Như thế để tránh cho người bị nạn khỏi bị chủ quán gây phiền hà khi bị đòi tiền trọ và tiền công chăm sóc.

Sau khi kể dụ ngôn, Đức Giêsu, thay vì trả lời thẳng câu hỏi: “Ai là đồng loại của tôi”, đã đảo ngược câu hỏi và hỏi lại: “Ai trong ba người ấy đã nên đồng loại của người sa vào ổ cướp?” Câu hỏi, trong trường hợp này, xem ra không khó khăn gì và câu trả lời cũng mang tính cách hiển nhiên, như một chuyện thường tình: người đã thi hành đúng nội dung của luật yêu thương đồng loại, chính là người Samari.

Dụ ngôn vốn là một câu truyện có tính hư cấu, được thiết lập với các tình tiết, các nhân vật có tính tiêu biểu để mọi người có thể nhận ra một cách dễ dàng dụng ý của người kể muốn truyền đạt. Dụ ngôn trên đây đưa ra ba nhân vật tiêu biểu, rất quen thuộc đối với người nghe: một thầy tư tế, một nhân vật mang nặng tính tôn giáo; một thầy Lê-vít tiêu biểu cho lớp người rành về luật - luật ở đây là luật đạo, luật của Chúa - và tôn trọng luật. Nhưng cả hai nhân vật này đều có cùng một thái độ đối với người gặp hoạn nạn bị bỏ lại bên đường như một xác chết: tránh sang một bên đường và tiếp tục cuộc hành trình của mình. Phải chăng hai người này đã chẳng còn chút lương tâm, đạo đức hay tình người? Dụ ngôn xem ra không có ý cho người ta nghĩ như vậy. Thái độ của hai người này diễn tả một chọn lựa theo một thang giá trị đã có sẵn trong đầu. Người Tư tế có thể đã bỏ đi vì một việc đạo đức như lễ tế, một nghi lễ tôn giáo đang chờ đợi ông tới cử hành. Người Lê-vít bỏ đi vì là người rành luật, biết rõ điều gì nên làm và không nên làm và ở đây không muốn liêu mình ra ô uế khi liêu mình đụng đến một nạn nhân mà mình không biết chắc còn sống hay đã chết, ra tay làm phúc, nhưng nếu chẳng may người này đã trở thành xác chết, anh ta sẽ phạm luật. Vậy tốt hơn là đi thẳng. Cả hai đều tránh sang một bên cũng vì ý “ngay lành cả”, vì muốn tuân giữ một điều luật được đánh giá là cao hơn, tức việc thờ phượng Chúa, theo luật dạy.

Quần chúng tôn giáo, thường có thói quen bài xích hàng giáo sĩ, có thể đã hả hê khi thấy dụ ngôn có vẽ bài bác hai nhân vật tiêu biểu của hàng giáo sĩ này. Nhưng họ phải giật mình suy nghĩ khi người được dụ ngôn do Đức Giêsu đưa ra chọn làm nhân vật đã thực thi đúng điều Chúa dạy lại không phải là một người Do Thái thuộc hàng thứ dân như họ mà lại là một người Samari, vốn đã không phải là người đồng hương, đồng bào, đồng đạo mà còn bị coi khinh là hạng người lai căng trong vấn đề tôn giáo. Nhưng trong giáo huấn của Đức Giêsu, chính người Samari đáng ghét này lại là người được nêu gương là người đã hoàn thành bốn phận hay Lễ luật dạy làm và trở thành đồng loại với người bị nạn vì đã làm tất cả những gì cần làm để cứu chữa người này.

Yêu thương đồng loại như chính mình, cuối cùng, không phải là ban ơn, bố thí mà là đối xử như đồng loại, làm bốn phận của đồng loại

đối với đồng loại. Con người không phải cứ sinh ra tức khắc là đồng loại trọn hảo của con người. Người ta còn phải trở thành đồng loại bằng việc cư xử nhân nghĩa với con người, theo đạo làm người và học đạo làm người.

Với những ẩn ý này của dụ ngôn *Người Samari nhân hậu*, để có được câu trả lời đúng đắn, người trả lời cũng cần phải đảo lộn cách nhìn của mình, thoát ra khỏi các thiên kiến, cách nhìn thông thường, có sẵn, vì lệnh truyền Đức Giêsu đưa ra quả là khó nuốt.

Những gì cần làm để xây dựng hạnh phúc chính đáng cho người khác dĩ nhiên là thay đổi với thời gian, không gian và hoàn cảnh, chẳng ai có thể lên sẵn một danh sách để sử dụng như một thứ cẩm nang. Để có thể trở thành đồng loại của người khác, người tín hữu, một mặt, cần phải có những nỗ lực liên tục trong việc tìm hiểu Thánh Kinh, để việc chu toàn trách nhiệm luôn trung thành với thông điệp Kitô giáo, trong việc đào sâu, đặc biệt, học thuyết xã hội công giáo, các thông điệp xã hội của Giáo hội, trong việc phân tích thời cuộc dưới ánh sáng của Tin Mừng, để nhận ra đâu là hạnh phúc đích thực của con người, cách thức phục vụ hạnh phúc này một cách có hiệu quả.

Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam cho thấy rõ để có thể góp phần xây dựng hạnh phúc của đồng bào mình, người tín hữu có trách nhiệm sống “hòa mình với cộng đồng xã hội mình đang sống”, “sống gắn bó với dân tộc và đất nước”, “gắn bó với vận mạng quê hương”, “đồng hành với dân tộc mình”, “cùng chia sẻ một cộng đồng sinh mạng với dân tộc mình”. Tất cả những khẳng định này đều là những cách diễn tả một thái độ đúng đắn, cả về mặt đạo lẫn mặt đời, người Công giáo cần phải phát huy.

Một trách nhiệm cần phải được thực thi trong sự hòa nhập vào xã hội mà mình là thành viên. Một sự hòa nhập của men trong bột.

Người tín hữu cũng được mời gọi nhận ra những đòi hỏi, khát khao, ước vọng của xã hội xung quanh để thấy đâu là hạnh phúc đích thực mình có nhiệm vụ cùng với họ xây dựng. Giám mục Nguyễn Văn Khảm khẳng định: “Sứ mạng đặc thù của Giáo hội là loan báo Tin Mừng Chúa Kitô. Tin Mừng đó là Tin Mừng Nước trời, vương quốc của tình yêu và chân lý, do đó, khi loan báo Tin Mừng - bằng lời rao

giảng và bằng đời sống - Giáo hội góp phần không những vào việc phát triển những giá trị nhân văn và tinh thần của người dân Việt Nam, mà còn góp phần cho sự phát triển vững bền của đất nước nữa, nhất là trong thời điểm hiện nay, khi những giá trị đạo đức và truyền thống của dân tộc bị đe dọa trước làn sóng của chủ nghĩa thực dụng và hưởng thụ”.

Người Công giáo Việt Nam hiểu rất rõ rằng hạnh phúc của con người không chỉ là ăn no, ăn ngon, mặc ấm, mặc đẹp, ở nhà cao cửa rộng mà còn bao gồm nhiều thứ khác nữa. Điều này thì Đức Giáo hoàng Phaolô VI đã nhắc nhở trong thông điệp *Populorum Progressio* (Phát triển các dân tộc), và được long trọng nhắc lại trong thông điệp gần đây của Đức Giáo hoàng Benedicto XVI, *Caritas in Veritate* (Bác ái trong chân lý). Đó là sự phát triển toàn diện của con người.

2. Thực hiện trách nhiệm trong sự hợp tác với người khác

Hợp tác, liên kết với mọi người thiện chí, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo hay ý thức hệ để xây dựng một xã hội thực sự mang tính người, trong đó con người được yêu thương và tôn trọng, là chủ trương của Giáo hội. Chủ trương này đã được diễn tả một cách công khai tại Công đồng chung Vatican II, vào thập niên 60 của thế kỷ trước. Giáo hội, sau Công đồng chung Vatican II, muốn được là một Giáo hội sống với “tinh thần cởi mở, đối thoại và hòa mình với cộng đồng xã hội mình đang sống”. Gần hơn nữa, Đức Giáo hoàng Benedicto XVI, khi tiếp các giám mục Việt Nam đi viếng mộ hai thánh tông đồ Phêrô và Phaolô, hồi tháng 6 năm 2009, đã gọi lại Thư chung 1980: *Thư Mục vụ mà Hội đồng Giám mục của Anh Em đã công bố năm 1980 nhấn mạnh đến ‘Giáo hội Chúa Kitô ở giữa Dân của mình’*. Khi đem tới nét đặc thù của mình - là việc loan báo Tin Mừng của Chúa Kitô - Giáo hội đóng góp vào việc phát triển nhân bản và thiêng liêng của con người, nhưng cũng đồng thời đóng góp vào sự phát triển đất nước. Việc tham gia vào tiến trình này là một bổn phận và một sự đóng góp quan trọng, nhất là vào thời điểm mà Việt Nam đang từ từ mở ra đối với cộng đồng quốc tế.

Anh em cũng như tôi đều biết rằng một sự hợp tác lành mạnh giữa Giáo hội và cộng đồng chính trị là điều có thể thực hiện được. Về điểm này, Giáo hội mời gọi mọi phần tử của mình dấn thân một cách

trung thành nhằm xây dựng một xã hội công bằng, liên đới và bình đẳng. Giáo hội không hề muốn thay thế chính quyền, nhưng chỉ mong rằng trong tinh thần đối thoại và hợp tác tôn trọng nhau, Giáo hội có thể góp phần mình vào đời sống của đất nước, nhằm phục vụ tất cả người dân. Trong khi tham gia tích cực, theo như vị trí dành cho mình và theo ơn gọi đặc thù của mình, Giáo hội không bao giờ miễn trừ cho mình việc thực hành bác ái xét như các hoạt động có tổ chức của các tín hữu và không bao giờ có một tình trạng mà trong đó người ta lại không cần đến bác ái của mỗi Kitô hữu, bởi vì con người, ngoài công bình ra, vẫn cần và sẽ còn cần tới tình yêu (*Thông điệp Thiên Chúa là tình yêu*, số 29). “Tôi thấy điều quan trọng này là phải nhấn mạnh rằng các tôn giáo không gây ra mối nguy hiểm cho sự đoàn kết quốc gia, bởi vì tôn giáo nhằm giúp đỡ cá nhân thánh hóa chính mình và qua các tổ chức của mình, các tôn giáo ước mong phục vụ tha nhân một cách quảng đại và hoàn toàn vô vị lợi”.

3. Ý nghĩa tôn giáo của trách nhiệm tín hữu thực thi trong xã hội

Mến Chúa và yêu người

Trả lời cho thắc mắc của một luật sĩ nêu câu hỏi phải làm gì để “được sự sống đời đời làm cơ nghiệp”, Đức Giêsu đã nhắc lại hai bổn phận và được Người coi như gồm tất cả các bổn phận khác và kêu gọi người ta phải chu toàn là “Mến Chúa và yêu người”. Người nói: “Toàn thể Lễ luật - [những điều luật được khắc trên đá, được các luật sĩ và người cầm đầu dân triển khai qua các thế hệ, cũng như việc áp dụng các điều luật này vào trong các tình huống, thời sự khác nhau của dân Chúa qua các tiên tri] - cùng các tiên tri đều quy về hai điều răn ấy”.

Và trong khi triển khai giáo huấn về bổn phận “yêu đồng loại”, Đức Giêsu cũng đã cho người nghe thấy được mối quan hệ giữa hai “bổn phận” này, và qua mối quan hệ này, hiểu được giá trị, chỗ đứng của việc trở thành đồng loại của nhau.

Yêu thương đồng loại, một tình thương yêu được thể hiện bằng những hành động cụ thể nhằm gỡ bỏ những khó khăn người khác đang lâm phải và nhằm đem lại hạnh phúc cho người khác, có thể là chuyện bình thường, được mọi người nhìn nhận như đạo làm người của con

người, dù có hay không có niềm tin tôn giáo. Người ta có thể cổ vũ cho cái đạo làm người này mà không nhất thiết phải nại đến tôn giáo.

Nhưng điều làm cho các Kitô hữu phải ngỡ ngàng, đó là vị trí có thể nói được là “ưu tiên” Đức Giêsu dành cho cách xử sự của tín đồ đối với người khác, đối với đồng loại. Trong bài giảng dạy đầu tiên, Đức Giêsu đã nói: “Vậy nếu người dâng của lễ nơi bàn thờ [tức chu toàn bốn phận tôn thờ đối với Thiên Chúa] và ở đó nhớ ra anh em có điều bất bình với người, người hãy đặt của lễ đó trước bàn thờ, mà đi làm hòa với anh em người trước đã, rồi bấy giờ hãy đến mà dâng lễ vật của người” (Mt 5, 23-24).

Từ “ưu tiên” được dùng ở đây không có ý nói con người trọng hơn Thiên Chúa mà muốn nhấn mạnh tới một sự đồng hóa tuyệt vời giữa hai mệnh lệnh, giữa hai bốn phận đối với Thiên Chúa và đối với đồng loại. Để hiểu rõ mối quan hệ giữa hai điều luật “mến Chúa, yêu người” này, chúng ta có thể đọc một dụ ngôn khác trong giáo huấn của Đức Giêsu. Đó là dụ ngôn về cuộc phán xét của Chúa trong ngày cùng tận (Mt 25, 31-46).

Dụ ngôn trong Thánh Kinh có tên là *Phán xét cùng tận* này được Đức Giêsu đưa ra vào những giờ phút trước lúc Người bị bắt và bị giết vì chính những giáo huấn Người đưa ra, Người đã dùng hình ảnh có tính tiên tri về một cuộc phán xét, tức bày tỏ “quan điểm” của Thiên Chúa về tôn giáo (có thể nghĩ được như vậy), kể: trong cuộc phán xét này, các dân thiên hạ được tập hợp lại trước mặt Người, lúc này giữ vai trò Đấng phán xét, và Người phân chia họ thành hai nhóm, một nhóm bên phải và một nhóm bên trái Người. Và Người nói với những người ở nhóm bên phải: “Hãy đến! Hỡi những kẻ được Cha Ta chúc phúc, hãy lĩnh lấy làm cơ nghiệp Nước đã dọn cho các người từ tạo thiên lập địa. Vì xưa, Ta đói mà các người đã cho Ta ăn, Ta khát mà các người đã cho ta uống, Ta là khách lạ mà các người đã tiếp rước, Ta mình trần mà các người đã cho Ta mặc, Ta đau yếu mà các người đã thăm viếng, Ta ở tù mà các người đã đến với Ta”. Bấy giờ, kẻ lành đáp lại rằng: “Lạy Chúa, có bao giờ chúng tôi thấy Người đói mà đã nuôi dưỡng, khát mà đã cho uống; có bao giờ chúng tôi thấy Người là khách lạ mà đã tiếp rước, mình trần mà đã cho mặc; có bao giờ chúng tôi thấy Người đau yếu hay ở tù mà chúng tôi đã đến với Người”. Đáp

lại, Vua sẽ nói với họ: “Quả thật, Ta bảo các ngươi: những gì các ngươi đã làm cho một người trong các anh em hèn mọn nhất này của Ta, là các ngươi đã làm cho chính mình Ta” (Mt 25).

Quả là không có gì rõ ràng và cụ thể hơn để diễn tả cái cốt lõi của Kitô giáo. Giáo huấn Đức Giêsu đưa ra trong dụ ngôn này cho người ta hiểu rằng cái còn lại cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng, đó là lòng yêu thương đồng loại bằng những cử chỉ cụ thể đáp ứng những nhu cầu cụ thể: bánh cho người đói, nước cho người khát, quần áo cho kẻ trần truồng... và cứ thế đối với những nhu cầu, vật chất và tinh thần, lớn hơn của từng cá nhân và của tập thể.

Cứu vớt một người trong lúc khó khăn, một hành động dù nhỏ để đem lại hạnh phúc cho đồng loại, trước mắt Thiên Chúa cũng có giá trị của việc tôn vinh chính Ngài.

Kết luận

Trên đây mới chỉ là một số nét tổng quát, mang tính nguyên tắc về trách nhiệm của tín hữu Kitô giáo trong xã hội, một trách nhiệm người tín hữu phải chu toàn, với tính cách Kitô hữu và với tính cách con người. Trong thực tế của cuộc sống, việc chu toàn trách nhiệm làm người và làm người Kitô hữu không phải là không gặp khó khăn và cản trở. Muôn vàn khó khăn và đủ loại cản trở. Nhưng cũng có không ít những khó khăn và cản trở chúng ta có thể vượt qua được không mấy khó khăn khi chúng ta ngồi lại, nhìn thẳng vào thực tế và phân tích một cách rọt ráo, thẳng thắn những khó khăn gặp phải. Không mấy ai lại không muốn sống trong một xã hội công bằng, trong đó, mọi con người xử sự như đồng loại của nhau./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Chuyến viếng thăm Ad limina 2009*, <http://www.hdgmvietnam.org/phu-san-bao-hiep-thong-ve-chuyen-vieng-tham-ad-limina-2009-cua-hdgmvn/543.63.8.aspx>
2. *Dụ ngôn Người Samari nhân hậu*, <http://www.tgpsaigon.net/suy-niem/20121007/18610>
3. *Đức Thánh Cha Benedicto XVI và những dấu ấn mục vụ cho Giáo hội tại Việt Nam*, <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20130304/20545>
4. *Kinh Thánh Công giáo*, <http://www.conggiaovietnam.net/kinhthanh/home.htm>
5. *Sứ điệp của Đại hội Dân Chúa Việt Nam 2010*, <http://hdgmvietnam.org/su-diep-cua-dai-hoi-dan-chua-viet-nam-2010/2514.116.3.aspx>

6. *Thông điệp Caritas in Veritate* (Bác ái trong chân lý), <http://www.simonhoadalat.com/HOCHOI/Giaohoi/ThongDiep/02CaritasInVeritate.htm>
7. *Thông điệp Populorum Progressio* (Phát triển các dân tộc), <http://catechesis.net/index.php/van-kien-giao-hoi/duc-giao-hoang/thong-diep/453-thong-diep-populorum-progressio-phat-trien-cac-dan-toc-cua-dgh-phao-lo-vi-ngay-26-03-1967>
8. *Thông điệp Thiên Chúa là tình yêu*, số 29, <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20090701/605>
9. *Thư chung 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam*, <http://hdgmvietnam.org/thu-chung-1980-cua-hoi-dong-giam-muc-viet-nam/216.116.3.aspx>

Abstract

DISCOVERING AND IDENTIFYING THE CATHOLICS' RESPONSIBILITIES TOWARD THE SOCIETY

The 1980 Common Letter of the Catholic Bishops' Conference of Vietnam mentioned the social responsibility of Christians. This responsibility was clearly determined on the title of the letter "Living the Gospel of life in the heart of the nation to serve the compatriots' happiness". By announcing this letter, the bishops had no intention of expressing a political choice "adaptation" or "respond" to a new age; they would like to remind their believers that they had to fulfill the responsibility of the Christians in their society in every circumstance because it was given by Jesus to his Church, and through the Church, to every Christian everywhere and at all times. This article presents three issues related to clarification the article's title, that is "The doctrine foundation of Christian responsibility for society, the fulfillment of responsibility in collaboration with others, and the religious meaning of the social responsibility practiced by believers.

Keywords: Responsibility, Catholics, society.